

● TIỂU THUYẾT CÔNG GIÁO



QUỶ XUNG TỘI

Kỳ 50

MA VĂN LIÊU

(Phần 5 của kỳ 50)

Buổi chiều sao qua nhanh! Nhanh hơn buổi sáng. Thầy Thời gấp rút kể tiếp khi liếc thấy đồng hồ chỉ gần đến số 4. Thời kể:

Đến đây thì nhà thờ Môi Khôi, tức nhà thờ họ đạo chính, mới bắt đầu lên tiếng.

Công bằng mà nói, vào cái thời chiến tranh như chiến tranh Việt Nam lúc ấy, việc đi lại của thường dân đã là rất không nên thì đối với dân thường ở các vùng quê nằm trong vùng chiến sự như vùng nhà thờ Môi Khôi -nhà thờ họ đạo chính- và nhà thờ nhỏ Muồng Rền lại càng không nên hơn nữa. Tại sao vậy? – Thừa chưa cần bàn đến nhiều chuyện khác, chỉ cần nói đến chuyện phương tiện đi lại sẽ đủ hiểu cái sự “không nên” ấy như thế nào. Thử nghĩ: xe đồ không có, xe cá nhân quá hiếm hoi, từ nhà thờ Môi Khôi đến nhà thờ họ đạo lẻ Muồng Rền tuy chỉ trên dưới 10 cây số vậy là đã xa rồi... Tại sao xa? – Thừa vì tuyến đường này không hề có chiếc xe khách nào dám chạy, chỉ toàn trông vào xe Honda –có khi cả một ấp, một xã mới có vài chiếc- hoặc trông vào những chiếc xe lôi thùng (1) chạy kiểu cà rịch cà tang, đã vậy còn rất đông đánh, khi cần không có, khi không cần thì có, muốn đi phải tìm, tìm xong phải đợi mòn mỏi cho đủ số hành khách –đủ là nói theo cái bụng tham lam của các bác tài- xe mới chịu khởi hành cho; đã vậy đường xá càng khiến ai muốn đi đều thâm thía cái nỗi “không nên”; đường xá gì mà đoạn thì còn sót đó đây vài mảng nhựa đường thời Pháp thuộc, đoạn thì lỗ chỗ đá to đá nhỏ, đoạn thì tro đất sét... toàn con đường trông như một người cùi lở loét, sưng tấy và sứt mẻ... ngồi được trên xe là may, được xe chạy cho là phúc, nhưng bù lại, phải ném đủ mọi mùi vị từ những cú xóc muốn văng ra khỏi xe, những cú lắc lư tưởng phải bò xuống ruộng hay nương củ ấu, lúc trời nắng thì hít thở bằng bụi, lúc trời mưa thì được hưởng những vệt sình... Đâu đã hết! Tai hành khách luôn bị tra tấn bởi âm thanh từ ống pô xe cũ xưa thời đệ nhị thế chiến, nhất là ống pô của những chiếc xe phải luôn gõng mình vật vã với bao là ổ gà ổ voi vừa gánh thêm bao là hành khách ngồi bên trên. Đã nói thì nói luôn, về phương diện an ninh cái sự “không nên” còn to hơn nữa! Người ta nói đúng: “Silent leges inter arma” (ngạn ngữ Latin nghĩa là: thời chiến tranh, luật pháp phải câm cái mồm) hay là: “luật lệ thời chiến là không luật lệ”, tức là tình hình an ninh vô cùng... mất an ninh; tóm lại, rất nguy hiểm đến tính mạng của tất cả mọi người; nguy hiểm vì ban ngày lính bên này hùng hổ, ban đêm rút đi để lính bên kia chiến tuyến trấn giữ, chưa kể thời ông Ngô Đình Diệm con đường huyết mạch này bị nhiều giáo phái (có quân đội riêng) lẫn bọn thảo khấu chia nhau chiếm cứ tha hồ làm tình làm tội dân lành. Thế là tóm gọn một câu: không có chuyện gì cần thì đừng ra đường... ở vùng này.

Trong tình hình như vậy, cha sở nhà thờ họ đạo chính Môi Khôi, cử cha phó trẻ cứ 2 tuần đến dâng thánh lễ một lần tại nhà thờ họ đạo lẻ Muồng Rền; nhưng đó là “nguyên tắc”, còn “áp dụng” có được hay không lại là chuyện khác! Bởi luật tổng động viên khắc nghiệt lúc bấy giờ cho phép mọi lực lượng quân sự đóng chốt trải dài trên đường đi tha hồ sách nhiễu những người trẻ như ông cha phó, mặc cho ông mặc áo dòng đen lụ khụ; chưa kể có lúc đường đi bị ách tắc do bị lính bên kia đập mó vào ban đêm, hoặc gài mìn, phá cầu... có lúc khách bộ hành bị chặn lại vài giờ vì một lý do gì đó... Thế là nỗi khó khăn vất vả trong việc đi lại đã khiến cho cha phó có cái cơ để không phải 2 tuần một lần mà có lúc 2, 3 tháng mới một lần đến Muồng Rền dâng thánh lễ. Lại

còn nghe râm rần đồn rằng vì cha sở vắng nhà thường xuyên cho công vụ địa phận nên “vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm”, cha phó có bồ; chuyện tình của cha phó vào thời “Tóc mây” này (2) thật là cả một chuyện tình động trời với tên gọi là “ông cha phó và người tình sa hỏa ngục” (3) -thầy Thời gục gật đầu nói- tôi sẽ kể cho ông nghe vào dịp khác.

Thế là họ đạo lẻ Muồng Rền “tuy xa mà gần, tuy gần mà xa”, thầy giúp xứ gần như bị bỏ rơi đến nỗi có lúc cha phó, khi nghe nói về thầy Lê Quý Bá giúp xứ họ đạo lẻ Muồng Rền, phải ngẩn ngơ một lúc mới nhớ ra. Thật là hết biết! –thầy Thời vừa thốt vừa lắc đầu kiêu bất mãn-

Kể tới đây thầy Thời chép miệng than:

- Tình hình chung là vật! Trách ai và trách sao... được!

Tự thoát ra khỏi sự ngao ngán, thầy Thời kể tiếp:

Nhà thờ họ đạo chính lên tiếng nghĩa là lần này không cử “phái đoàn” 2 tay đại chúng sinh lơ láo như trước nữa, mà cử phái đoàn gồm 3 người đàn ông lớn tuổi và có vẻ dày dặn kinh nghiệm, đó là một ông trùm già và hai ông biện.

Phái đoàn này không vội đến vội đi, lại tuyên bố “không xong việc không về” rồi cắm trại tại nhà một giáo dân cách nhà thờ không xa. Giáo dân Muồng Rền loan tin cho nhau rồi vui mừng đón tiếp vì cảm thấy trước tiên được nhà thờ họ đạo chính quan tâm, kế đến giúp đưa thầy Bá rời khỏi họ đạo cho khỏi thương tâm và sau cùng muốn họ đạo có kinh, sách, thánh lễ, phép lành...

(4) Họ rủ nhau tới kể lể, trình thuật không sót một chi tiết về thầy Bá và về mọi chuyện đã xảy ra.

Làm việc có vẻ rất bài bản, phái đoàn lắng nghe hết mọi tường thuật và ý kiến của giáo dân, thu thập những nhận xét của người lương sống quanh nhà thờ, sau đó mới gặp và nói chuyện với thầy Bá... có điều, vì nặng thành kiến nên quý ông này xem thường không gặp gỡ ông Tám Mù một lần dù giáo dân Muồng Rền đề nghị mãi. Cũng phải! Giáo dân Việt Nam ta thời xưa nhất nữa lại là các ông trong ban Quý chức (giữ những chức vụ trùm, câu, biện, giáp... lãnh đạo giáo dân họ đạo) do nền giáo dục thiên kiến “duy giáo sĩ” của các Cố Tây để lại, nên luôn nặng chịch một đầu óc phân biệt: coi những gì thuộc Công giáo là chính, là thật, là tốt, ngoài ra đều tà, đều giả và đều xấu, gọi người khác đạo đều là “quân thờ lạy bụt thần ma quỷ”... vậy thì làm sao phái đoàn có thể “hạ mình” để đi gặp một tay thầy bùa giải nghệ như ông Tám Mù cho được!

Sau khi khảo sát vài ngày bên ngoài xong, vào một hôm sau đó, phái đoàn đến gặp thầy Bá.

Bước vào căn chòi ông Trùm và 2 ông Biện thấy thầy Bá đang lúi húi nấu cơm dù lúc đó mới hơn 8g sáng. Ông Trùm hỏi:

- Chào thầy!

Đợi cho thầy Bá dừng tay, đứng thẳng người lên, quay lại nhìn các ông, ông Trùm hỏi:

- Thầy đang làm gì đó? Á!... Mới sáng sớm đã chuẩn bị cơm trưa rồi sao?

Thầy Bá nhìn sững trong vài giây 3 người đàn ông lạ, lặng thinh, rồi cúi xuống từ từ đặt nồi cơm lên cà-ràng (bếp lò bằng đất nung ở miền Tây Nam bộ), sửa củi lửa cho cháy đều xong, lau tay, đứng lên tiến về phía họ chào hỏi một cách nhẹ nhàng rồi trả lời từng câu:

- Chào quý ông! Quý ông là ai? Tôi đang nấu cơm. Ở đây còn có gì ngoài cơm. Mỗi sáng nấu một nồi để lót dạ vừa để ăn trưa.

Thấy thái độ điềm đạm, theo thứ tự mà trả lời đúng từng câu hỏi, các ông trùm biện cảm thấy an tâm và vui mừng vì thầy giúp xứ đang bình thường. Ngày xưa –vùng quê luôn là nơi âm u bởi bóng tối của kém tiện nghi, dốt nát và mê tín- thường xuyên xảy ra các hiện tượng gọi chung là “quỷ ám”, cho nên giới giáo sĩ truyền nhau một công thức gồm 3 loạt câu hỏi đặt ra cho người nghi bị “quỷ ám” nhằm thăm tra họ có không và có tới đâu cái thảm họa ấy.

Tôi gật đầu xác nhận Thời nói đúng; tôi cũng biết 3 loạt câu hỏi ấy và nắm rõ 3 loạt câu hỏi ấy được sắp xếp thành công thức như sau: loạt 1 gồm những câu hỏi thăm tra độ nhận thức của đương

sự về hành vi hiện tại của chính mình; loạt 2 gồm những câu hỏi thăm tra độ nhận thức của đương sự về ý thức bản thân mình; loạt 3 gồm những câu hỏi thăm tra niềm tin vào Chúa của họ. Thờ kể tiếp:

Ông Trùm và 2 ông Biện được cha sở dạy thì phải, nên tung ra loạt những câu hỏi đầu tiên. Trả lời khúc chiết như trên Thầy Báu được xem là đã lọt qua vòng 1.

Ngồi xuống chiếc giường kê sát vách căn chòi, ông Trùm tung ra những câu hỏi loạt 2:

- Thầy ở đây được bao nhiêu tháng rồi? Khi nào phải trở về đại chủng viện? Trở về đại chủng viện để tiếp tục học làm linh mục nữa phải không thưa thầy?

Vẻ vui tươi bỗng hiện rõ trên nét mặt non trẻ của thầy Báu. Suy nghĩ một vài giây, anh trả lời:

- Con ở đây đã được hơn 9 tháng. Hết năm nay, con còn phải đi giúp xứ thêm một năm nữa mới về đại chủng viện học thần học. Học hết 4 năm thần học mới lãnh chức linh mục ạ! Nhưng... nhưng... không biết... con có còn... đáng được trở về đó... hay không?

Hoàn toàn sáng suốt! Các ông trùm biện cười ha ha vì điều đó trong khi thầy Báu lại đỏ mặt tương các ông cười nhạo mình. Thấy vậy, một ông biện trẻ tuổi nhất trong phái đoàn lên tiếng chữa thẹn cho thầy Báu:

- Không! Không! Tụi tui cười vì nghĩ rằng: thầy không đáng thì ai đáng đây? Chẳng lẽ tui tui... đáng... chắc...? Ha ha ha...

Rõ chuyện, thầy Báu hết bẽn lẽn, hồn nhiên nói:

- Ở trong thành lũy vững chắc của tu viện cứ tưởng mình “ngon” lắm. Ra đời... mới thấy... thua xa... lắt... người ngoài đời!

Ông Trùm chớp thời cơ:

- Ha ha ha... thầy còn tin Chúa, còn yêu Chúa lắm không mà nghĩ như vậy? Chúa có bao giờ đánh giá ai! Sao thầy vội lo sợ? Thầy còn đang tu học chớ đã ra thầy cả đâu mà lo? Bây giờ tui hỏi nè: thầy còn muốn tu nữa không? Muốn theo Chúa nữa không? Muốn làm thầy cả nữa không?

Thầy Báu trả lời loạt câu hỏi thứ 3 một cách không có gì là khó khăn, trái lại còn có phần sáng suốt pha chút hăng say nồng nhiệt như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

...

Trước khi cáo từ và rời căn chòi, ông Trùm đứng lên móc trong túi áo ra một phong thư trao cho thầy Báu và nói:

- Cha sở dặn gì trong thư này thì tui tui không được biết, chỉ biết lời Ngài dặn miệng là đón thầy về nhà thờ lớn.

Ông Trùm chờ thầy Báu đón nhận phong thư xong nói tiếp:

- Thầy thu xếp mọi thứ để sáng mai cùng về với tui tui.

- Thầy Báu không mở thư ra đọc ngay, nhưng đặt trên bàn với nét mặt thoáng chút ưu tư.

...

Khoảng 8 giờ sáng hôm sau, ông Trùm và 2 ông biện đến căn chòi của thầy Báu cùng với bảy tám giáo dân nam nữ trong lúc còn nhiều giáo dân khác đang tụ tập trước sân nhà thờ chờ chào biệt thầy giúp xứ lần cuối. Kêu cửa hoài không nghe thấy tiếng trả lời, ông Trùm đẩy cửa bước vào, 2 ông biện bước theo sau; cả 3 ông đều nhìn thấy căn chòi trống trơn như đã được thu dọn: chiếc chiếu trên giường ngủ cuộn tròn với chiếc mùng nhà binh - chiếc mền bằng “drap trái giường” - chiếc gối tròn cứng ở bên trong, bàn viết trơ một chiếc đèn trứng vịt (đèn dầu hình quả trứng) đã cạn dầu, vài cái bươm bươm (mắc áo) bằng gỗ thô treo chông chơ trên vách, 2 cái nồi nhôm nhỏ treo trên vách bếp, cà-ràng nguội lạnh, một cái chén, một đôi đũa, 1 cái tô và một cái đĩa được xếp gọn trong rổ tre đan, chiếc lu nước nhỏ kê ở góc căn chòi và cái ca nhôm cũng được sắp xếp gọn gàng chứng tỏ chủ nhân có định đi xa mà không phải đi loanh quanh gần đâu đây.

Chẳng có góc gác gì khiến phải bước sâu vào bên trong để quan sát, kiểm tra hay kiểm tìm, ông Trùm lui ra nói với mọi người bằng một giọng thẳng thốt:

- Chúng ta đã đi sai một nước cờ!

Sau này mới rõ ý ông là phải chi bắt thân “búng” thầy Báu đi ngay đùng lươn uon ông ẹo thì hay biết mấy. Phải! Về sau, cha linh hướng đại chủng viện biết chuyện liền bảo: “Chỉ mình Chúa mới thấu suốt mọi tư tưởng và mọi hành vi chúng ta; còn ma quỷ, tinh khôn lắm chúng cũng chỉ đoán mò mà thôi!”.

Mọi người, chẳng ai nói với ai một lời gì mà hình như đều có chung một linh tính chẳng lành nên tất cả đều dáo dác kẻ gọi “thầy Tư ơi! Thầy Tư ơi”, kẻ chạy ra chạy vô, kẻ vô nhà thờ trong khi kẻ khác chạy vòng quanh khu đất trống...

Khu vực nhà thờ, sau khi tiêu diệt tận gốc cây da xà, nay trở nên rất quang đãng đến trống hươ trống hoác dưới ánh nắng rực rỡ buổi sáng; xa xa ở phía sau nhà thờ còn sót lại một vùng cỏ lau cao lêu nghêu khỏi đầu trải dài đến tận nghĩa địa cạnh con đường mòn liên thông hai ấp của xã Muồng Rên. Giáo dân đang chờ ở sân trước nhà thờ nhanh chóng biết chuyện liền nhập chung thành một khối vài mươi người hợp cùng các ông trùm, biện ủa nhau chạy ra đám cỏ lau sục sạo tìm thầy giúp xú.

Nhưng giả như trong nửa giờ, một tiếng... vẫn không ai tìm thấy gì, hẳn mọi người sẽ trở về nhà thờ để bàn tính phương kế khác, đằng này thỉnh thoảng có tiếng ở góc này reo lên “Thầy Tư kia rồi!”, “Thầy Tư! Thầy Tư!...”, một hồi có tiếng mừng rỡ ở phía xa xa rộ lên: “Ông kia kìa!” một lát lại có tiếng hét lên của nhóm phụ nữ: “Trời đất! Thầy Tư đây nè!” ... “Ủa! Không phải!” ... Cứ mỗi lần nghe tiếng reo vui phát giác, ông Trùm mừng rơn trong bụng, nhưng rồi nhanh chóng những tiếng reo mừng ấy chìm vào im lặng, ông Trùm hiểu rằng mọi người đã nhìn lầm... điều ấy khiến ông Trùm càng linh cảm không phải là chuyện bình thường, ông bỗng vừa lo lắng vừa sợ hãi nghĩ rằng mình đang đối diện với tà ma ngạ quỷ chứ chẳng phải chơi. Ông trùm sức yếu, chỉ biết đứng nhìn theo mọi người đang mắt hút dân trong đám cỏ lau cao ngát, lúc đầu còn nghe tiếng xào xạt động đậy của ngọn cỏ, ngày càng im lặng vắng vẻ, bất giác giữa mùa nắng nóng mà ông thấy lạnh toát cả người.

Hơn 11g trưa mới có một nhóm... rồi hai nhóm... dần dần từng nhóm người quay trở về nhà thờ trong mệt mỏi, thất vọng và chán nản. Khi mọi người kể cho nhau nghe đã đi tới đâu, đã lặn lội ra sao, đã tận mắt chứng kiến thầy Tư như thế nào... thì mọi người tỉnh ngộ ra rằng tất cả đã bị kẻ vô hình nào đó dắt vào một trò chơi ú tim. Nhiều phụ nữ tỏ ra sợ hãi và khuyên can không nên đi tìm nữa mà hãy đến nhờ ông Tám Mù.

Nghe đến đây, ông Trùm và 2 ông biện gạt phăng, cho rằng làm như thế là “cây quý trừ ma, nhờ ma bắt quỷ”, là “theo mê tín dị đoan”, là “yếu đức tin”... Giáo dân Muồng Rên đều là nghèo dốt, nghe vậy thì im thin thít không dám cãi.

Nhưng khi thấy phái đoàn khi đến với câu khẩu ngữ cửa miệng “không xong việc không về” mà bây giờ lại rục rịch “cuốn gói” thì số giáo dân có mặt không hiểu ra làm sao.

Trước khi xe lăn bánh, ông Trùm dặn:

- Việc này đã quá sức chúng tôi, phải tức tốc về bẩm báo với cố sở (5) tùy để ngài định liệu.

Giáo dân thất vọng kéo nhau ra về với ý định sẽ “bẩm báo” với ông Tám Mù.

(còn tiếp)

(1) Xe lôi thùng là chiếc xe đạp cùi cọc không về búng, không còi chuông, không phanh thắng... chỉ trợ trợ khung xe, bàn đạp, dây sên và 2 bánh rất khô, lôi thêm chiếc thùng ở phía sau -trên lý thuyết, thùng chở 4 người, nhưng trên thực tế chứa tới trên dưới 10 người kể ngò người đứng người đu- nên gọi là xe lôi. Có đẳng cấp hơn, thay vì thùng được lôi bằng xe đạp, thì vài chiếc lôi

bằng xe gắn máy hiệu Satche, Goebel, Mobylette... Ngồi trên những chiếc xe đẳng cấp ấy hành khách đến nơi nhanh hơn, nhưng phải chấp nhận đỉnh tai bị tra tấn bởi những tiếng gầm rú như sấm nổ chịu đỉnh tai nhức óc vì tiếng máy xe gầm rú.

(2) Cuốn tiểu thuyết tựa “Tóc mây” do tác giả Lê Hằng viết về chuyện tình nóng bỏng giữa một linh mục trẻ với một cô gái. Cuốn tiểu thuyết từng làm dậy sóng dư luận một thời vào đầu thập niên 1970 ở miền Nam Việt Nam.

(3) “Ông cha phó và người tình sa hỏa ngục” là chuyện tình giữa cha phó họ đạo lớn Môi Khê với một cô gái của một danh gia vọng tộc nhất trong họ đạo. Chuyện tình này cực nóng, có thể nói nóng như “lửa hỏa ngục”... Chúng tôi sẽ thuật lại sau.

(4) Châu phép lành; mọi nhà thờ xưa sáng thánh lễ, chiều châu phép lành.... Vì thánh lễ được tổ chức “cần kiệm” nên xưa có câu “thánh lễ misa vô giá”; ngày nay thánh lễ được tổ chức quá dễ dãi, nhanh, gọn, lẹ, hễ có chút tụ họp, chút cơ sự là có thánh lễ, thậm chí tổ chức thánh lễ tại bất kỳ nơi đâu... mà thánh lễ đồng tế cũng dễ có... cho nên ngày nay câu trên được sửa thành “thánh lễ có giá” hàm ý xem thường. Tâm lý chung giáo dân các họ đạo lẻ thềm khát thánh lễ, nhưng khi đã toại nguyện, lại không còn xem trọng.

(5) Xưa gọi linh mục là “thầy cả”, xưng hô với linh mục là “ông cố”; cha sở là “ông cố sở” hay “cố sở”.